

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN
TỈNH AN GIANG**

1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua

Mức nước trên các sông, kênh, rạch trong phạm vi tỉnh trong 24 giờ qua chịu ảnh hưởng chế độ dòng chảy sông Mekong, thủy triều vùng hạ lưu sông và quy trình vận hành hệ thống công trình thủy lợi nội vùng, diễn biến xu thế mức nước trên sông Tiền, sông Hậu lên chậm, khu vực nội đồng mức nước xuống chậm.

- Khu vực thượng nguồn sông Mekong (Kratie): Mức nước xuống chậm.
- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: Mức nước lên chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/4 ở mức phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-50cm.
- Vùng hạ lưu sông (Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên): mức nước lên chậm, mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/4 ở mức thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-45cm.
- Khu vực nội đồng Tứ giác Long Xuyên (TGLX): Mức nước trên các sông, kênh, rạch xuống chậm. Mức nước cao nhất và thấp nhất ngày 12/4 phổ biến thấp hơn cùng kỳ năm 2025 và TBNN từ 05-30cm.
- Khu vực cửa sông: Mức nước trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô lên chậm, đỉnh triều cao nhất ngày 12/4 trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô ở mức 33cm, lên 06cm đỉnh so với đỉnh triều ngày hôm

2. Dự báo, cảnh báo

- Khu vực đầu nguồn sông Cửu Long: mức nước trên các sông, kênh lên chậm theo triều trong những ngày tới.
- Vùng hạ lưu sông tại Vàm Nao, Chợ Mới, Long Xuyên: mức nước trên các sông, kênh, rạch lên chậm theo triều trong những ngày tới.
- Khu vực nội đồng TGLX: mức nước cao nhất và thấp nhất trên các kênh, rạch biến đổi chậm trong những ngày tới.
- Khu vực cửa sông: Đỉnh triều cao nhất ngày trên sông Cái Lớn tại Xẻo Rô xuống chậm theo xu thế triều trong 1-2 ngày tới, sau lên nhanh theo triều đến ngày 20-21/04.
- Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm trong thời hạn dự báo: Mặn trên sông, kênh theo triều xâm nhập vào nội đồng.
- Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế - xã hội: Độ mặn 4‰ xâm nhập sâu vào nội đồng trên các sông, kênh có khả năng ảnh hưởng đến cây trồng.

3. Ghi chú

Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/thuy-van>

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 11h30' ngày 14/4/2026

Tin phát lúc: 11h30'

Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin

Phạm Thị Diệu Ngọc

Phụ lục
Phụ lục 1: Bảng mực nước thực đo và dự báo các trạm

Đơn vị: cm

Sông, kênh, rạch		Cấp báo động lũ			Giá trị ngày		So với		So với cùng kỳ 2025		So với TBNN		Dự báo				
		BĐ I	BĐ II	BĐ III	12/4		11/04						13/4	14/4	15/4	16/4	17/4
Tiền	Tân Châu	350	400	450	Hmax	97	6	▲	-25	▼	1	▲	102	107	113	116	119
					Hmin	-55	-6	▼	-42	▼	-47	▼	-52	-49	-45	-41	-35
Ông Chường	Chợ Mới	200	250	300	Hmax	106	10	▲	-18	▼	9	▲	113	118	124	127	129
					Hmin	-70	-6	▼	-47	▼	-36	▼	-67	-64	-60	-56	-50
Hậu	Khánh An	420	470	520	Hmax	78	0	◀▶	-18	▼	-20	▼	75	73	74	76	79
					Hmin	-25	-11	▼	-50	▼	-50	▼	-29	-31	-33	-31	-28
	Châu Đốc	300	350	400	Hmax	111	5	▲	-24	▼	9	▲	117	122	128	131	134
					Hmin	-61	-6	▼	-48	▼	-47	▼	-58	-55	-51	-47	-41
	Long Xuyên	190	220	250	Hmax	121	7	▲	-19	▼	19	▲	126	131	137	140	142
					Hmin	-61	-5	▼	-50	▼	-16	▼	-58	-55	-51	-47	-41
Vàm Nao	Vàm Nao	250	290	330	Hmax	107	6	▲	-21	▼	7	▲	114	119	125	128	130
					Hmin	-66	-6	▼	-46	▼	-40	▼	-63	-60	-56	-52	-46
Vĩnh Tế	Xuân Tô	300	350	400	Hmax	12	-6	▼	-21	▼	-14	▼	9	7	8	9	10
					Hmin	-18	-6	▼	-28	▼	-19	▼	-21	-22	-21	-20	-19
	Vĩnh Gia	200	240	280	Hmax	4	-3	▼	-22	▼	-17	▼	1	0	1	2	3
					Hmin	-5	-4	▼	-24	▼	-23	▼	-7	-8	-7	-6	-5
	Vĩnh Điều	170	200	230	Hmax	13	-3	▼	-23	▼	-23	▼	10	8	9	10	11
					Hmin	1	-4	▼	-29	▼	-29	▼	-2	-3	-2	-1	0
T3	Vĩnh Phú	150	180	210	Hmax	13	-4	▼	-25	▼	-21	▼	10	8	9	10	11
					Hmin	3	-5	▼	-29	▼	-25	▼	0	-1	0	1	2
T5	Nông Trường	160	190	220	Hmax	23	-2	▼	-21	▼	-17	▼	19	17	18	19	20
					Hmin	9	-8	▼	-28	▼	-24	▼	6	5	6	7	8
Tri Tôn	Tri Tôn	200	240	280	Hmax	16	-7	▼	-16	▼	-12	▼	13	11	12	13	14
					Hmin	-17	-6	▼	-25	▼	-22	▼	-20	-22	-21	-20	-19
	Cô Tô	140	180	220	Hmax	31	-5	▼	-16	▼	3	▲	28	26	27	28	29
					Hmin	12	-3	▼	-20	▼	-6	▼	9	7	8	9	10
	Nam Thái Sơn	90	120	150	Hmax	24	-4	▼	-19	▼	-15	▼	21	19	20	21	22
					Hmin	14	-3	▼	-19	▼	-14	▼	11	9	10	11	12
Tám Ngàn	Lò Gạch	170	210	250	Hmax	13	-3	▼	-10	▼	-2	▼	10	8	9	10	11
					Hmin	-2	-6	▼	-17	▼	-10	▼	-5	-7	-6	-5	-4
Ba Thê	Vọng Thê	140	180	220	Hmax	48	-5	▼	-13	▼	4	▲	45	43	44	45	46
					Hmin	23	-4	▼	-19	▼	-4	▼	20	18	19	20	21
Núi Chóc Năng Gù	Vĩnh Hanh	190	230	270	Hmax	68	-8	▼	-10	▼	5	▲	65	63	64	65	66
					Hmin	12	-7	▼	-28	▼	-18	▼	9	7	8	9	10
Rạch Giá-Long Xuyên	Núi Sập	140	180	220	Hmax	46	-4	▼	-11	▼	-3	▼	43	41	42	43	44
					Hmin	7	-8	▼	-28	▼	-23	▼	4	2	3	4	5
	Tân Thành	120	150	180	Hmax	32	-4	▼	-14	▼	-15	▼	29	27	28	29	30
					Hmin	9	-4	▼	-25	▼	-22	▼	6	4	5	6	7
Cái Sắn	Tân Hiệp	90	120	150	Hmax	19	-3	▼	-11	▼	-10	▼	16	14	15	16	17
					Hmin	-1	-3	▼	-24	▼	-9	▼	-4	-6	-5	-4	-3

Kiên	Rạch Giá	70	80	90	Hmax	3	-3	▼	-16	▼	-25	▼	1	0	1	2	3
					Hmin	-16	0	▲	-11	▼	8	▲	-20	-19	-18	-17	-16
Cái Lớn	Xẻo Rô	80	90	100	Hmax	33	6	▲	6	▲	-4	▼	31	30	32	34	39
					Hmin	-31	-1	▼	1	▲	3	▲	-30	-28	-26	-28	-30

Chú thích: ▲ Cao hơn; ▼ Thấp hơn; ▲ Xấp xỉ;

Phụ lục 2: Đường quá trình mực nước thực đo và dự báo các trạm





